

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đoàn.
- Bà Vương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1988 và ông Vũ Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: A, tổ C, ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1993 và bà Nguyễn Thị Quế T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Đ, bà O có mặt; ông H, bà T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị O trình bày:

Vợ chồng bà có quen biết với ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T do sinh sống gần nhà của nhau.

Vào đầu năm 2023, ông H và bà T có ngỏ ý muốn vay tiền để làm ăn thì vợ chồng bà có đồng ý. Vợ chồng bà cho ông H và bà T vay tiền thành 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1, vào ngày 01/01/2023, vợ chồng bà cho ông H và bà T vay số tiền 200.000.000đ; hai bên có lập Giấy ghi nợ đề ngày 01/01/2023; hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn thanh toán là 06 tháng, kể từ ngày 01/02/2023, lãi trả hàng tháng. Bà T và ông H đều ký ghi rõ họ tên vào Giấy ghi nợ.

Lần 2, vào ngày 20/02/2023, vợ chồng bà cho ông H và bà T vay số tiền 300.000.000đ; hai bên có lập Giấy ghi nợ đề ngày 20/02/2023; hai bên thỏa thuận lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn thanh toán là 01 tháng, kể từ ngày 20/02/2023, lãi trả hàng tháng. Ở lần vay này, cả ông H và bà T đều có mặt tại thời điểm nhận tiền tuy nhiên do đã tin tưởng nhau nên chỉ có bà T ký tên vào Giấy ghi nợ, còn ông H thì không có ký tên vào. Nhưng bà cam kết rằng tại thời điểm giao nhận tiền thì ông H có mặt và chứng kiến sự việc.

Ở hai lần vay đều là bà và ông Vũ Đ là chồng của bà đều là người trực tiếp giao tiền cho bị đơn; tuy nhiên bà ký vào bên cho vay ở Giấy ghi nợ ngày 01/01/2023; còn ông Đ ký vào bên cho vay ở Giấy ghi nợ ngày 20/02/2023.

Tổng số tiền mà vợ chồng bà đã cho ông H và bà T vay là 500.000.000đ.

Sau khi đến thời hạn đóng tiền lãi, vợ chồng bà đã nhiều lần yêu cầu bà T và ông H trả tiền lãi cho vợ chồng bà nhưng bà T và ông H luôn trốn tránh, chưa thanh toán cho vợ chồng bà bất cứ khoản tiền lãi cũng như tiền gốc nào.

Nay vợ chồng bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Quế T và ông Nguyễn Hữu H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho vợ chồng bà số tiền đã vay là 500.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Vũ Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị O, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn là ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T không đến Tòa án làm việc, không có bất cứ ý kiến và văn bản nào gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án:

Ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O yêu cầu bà Nguyễn Thị Quế T và ông Nguyễn Hữu H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đ và bà O số tiền đã vay là 500.000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã giao nộp Giấy ghi nợ đề ngày 01/01/2023 và Giấy ghi nợ ngày 20/02/2023; như vậy nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ chứng minh của mình. Bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng cố tình không đến Tòa án đã làm việc, nên có đủ căn cứ khẳng định bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, của nguyên đơn đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O số tiền 500.000.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Quế T và ông Nguyễn Hữu H hiện nay có đăng ký thường trú tại ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đã vay mượn nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H và bà T và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng ông H và bà Thanh vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H và bà T quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không xem xét thời hiệu khởi kiện.

[5] Về xác định tư cách đương sự:

Ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Quế T và ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ và bà O số tiền gốc đã vay vì vậy ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Quế T và ông Nguyễn Hữu H là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về đường lối giải quyết vụ án:

Ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O yêu cầu ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đ, bà O số tiền 500.000.000đ.

[6.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp “Giấy ghi nợ” đề ngày 01/01/2023 (BL 27) và “Giấy ghi nợ” đề ngày 20/02/2023 (BL 28) thể hiện ở những lần vay mượn như sau:

- Lần 1, vào ngày 01/01/2023, cho ông H và bà T vay số tiền 200.000.000đ; hai bên có lập Giấy ghi nợ đề ngày 01/01/2023; hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn thanh toán là 06 tháng, kể từ ngày 01/02/2023, lãi trả hàng tháng. Bà T và ông H đều ký ghi rõ họ tên vào Giấy ghi nợ.

- Lần 2, vào ngày 20/02/2023, cho ông H và bà T vay số tiền 300.000.000đ; hai bên có lập Giấy ghi nợ đề ngày 20/02/2023; hai bên thỏa thuận lãi suất 4,5%/tháng, thời hạn thanh toán là 01 tháng, kể từ ngày 20/02/2023, lãi trả hàng tháng. Ở lần vay này, chỉ có bà T ký tên vào Giấy ghi nợ, còn ông H thì không có ký tên vào.

[6.2] Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cũng như các bản photo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ đã thu thập được đúng thủ tục tố tụng; tuy nhiên bị đơn cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ có chữ ký và chữ viết của bị đơn để thực hiện việc trưng cầu giám định; tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được và đã có

giải trình cho Tòa án lý do không cung cấp được. Xét về nghĩa vụ chứng minh thì nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ chứng minh những lần cho vay, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn theo Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án thông báo đầy đủ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng cố tình không đến Tòa án đã làm việc, nên có đủ căn cứ khẳng định bị đơn không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, của nguyên đơn đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định “Giấy ghi nợ” đề ngày 01/01/2023 có nội dung bà T và ông H có vay của ông Đ, bà O số tiền 200.000.000 đồng và “Giấy ghi nợ” đề ngày 20/02/2023 có nội dung bà T và ông H có vay của ông Đ, bà O số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[6.3] Do ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T là vợ chồng, việc vay tiền thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, nên nguyên đơn yêu cầu bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật hôn nhân gia đình; cụ thể theo Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30*”; Điều 30 của Luật Hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch đáp ứng nhu cầu cần thiết của gia đình*” và Điều 37 của Luật hôn nhân quy định: “*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm*”.

[6.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O số tiền 500.000.000 đồng.

[7] Do ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O không yêu cầu ông H và bà Thanh thanh t tiền lãi nên không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.000.000 đồng.

[9] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 68, 147, 184, 227, 228, 235, 244, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 17, 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O. Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Vũ Đ và bà Nguyễn Thị O số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Quế T phải nộp 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Dương

